

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SANTECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SANTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SANTECH TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400947832

**3. Ngày thành lập:** 17/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 161 đường Huyền Quang, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0966620218

Fax:

Email: [ctcpsantech@gmail.com](mailto:ctcpsantech@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                | 4322        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>( không bao gồm kinh doanh dược phẩm )                                                         | 4649(Chính) |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                  | 4651        |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                   | 4652        |
| 5.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                         | 4661        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                              | 4663        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. | 8299        |
| 8.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                            | 9511        |
| 9.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                  | 6202        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                      | 6209        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                               | 7710        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)                                                                                 | 4690        |
| 13. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                    | 4721        |
| 14. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                     | 4722        |
| 15. | In ấn                                                                                                                                | 1811        |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4774        |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                     | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 19. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                          | 7730 |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 28. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 29. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 30. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 31. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                    | 4764 |
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 33. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức      | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI TRỌNG<br>TAM   | Tổ Tiền Môn 2,<br>Phường Lê Lợi,<br>Thành phố Bắc<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 140.000       | 1.400.000.000            | 70,000       | 0310840153<br>61                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Tổng số                            | 140.000       | 1.400.000.000            | 70,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>HIỀN | Thôn Sâu, Xã<br>Nghĩa Hòa,<br>Huyện Lạng<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam          | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 5,000        | 121865688                                                                                                              |            |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                         | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                                         |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 3 | NGUYỄN<br>THÀNH VINH | Thôn Chẽ, Xã<br>Trường Sơn,<br>Huyện Lục Nam,<br>Tỉnh Bắc Giang,<br>Việt Nam            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 5,000  | 0240820121<br>10 |  |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 5,000  |                  |  |
| 4 | NGÔ THỊ NGÀ          | Tổ Tiền Môn 2,<br>Phường Lê Lợi,<br>Thành phố Bắc<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 | 0241910039<br>63 |  |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                         | Tổng số                            | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ THỊ NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024191003963

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ Tiền Môn 2, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ Tiền Môn 2, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang